

Số: 61 /KH-GDTXHP

Hải Phòng, ngày 06 tháng 11 năm 2023

KẾ HOẠCH
Triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số trung tâm
Năm học 2022 - 2023

Thực hiện Kế hoạch số 128/KH-SGDĐT, ngày 12/10/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng về triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên năm học 2022 – 2023;

Trung tâm GDTX Hải Phòng xây dựng kế hoạch triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số trung tâm năm học 2022 - 2023, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên về ý nghĩa, tác dụng của chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo. Thúc đẩy chuyển đổi số ở nhà trường.

- Phát hiện các điển hình, mô hình chuyển đổi số làm tốt để nhân rộng, tạo phong trào thực hiện chuyển đổi số trong nhà trường.

2. Yêu cầu

a. Hồ sơ đánh giá mức độ chuyển đổi số của đơn vị được thực hiện theo năm học, được cập nhật thường xuyên và đăng tải trên cổng thông tin trực tuyến của đơn vị (lập chuyên mục riêng cho nội dung này).

b. Huy động tối đa các nguồn lực hợp pháp của đơn vị để nâng mức độ chuyển đổi số theo các tiêu chí trong Bộ chỉ số. Ưu tiên nguồn lực thực hiện các tiêu chí có tính chất thiết yếu, cần thiết cho nhu cầu của đơn vị trong từng giai đoạn.

c. Đối với việc triển khai các hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý giáo dục và dạy học trực tuyến:

d. Đảm bảo thực hiện kiểm tra, đánh giá khách quan, thực chất, công bằng kết quả chuyển đổi số trong đơn vị. Trong quá trình tự đánh giá, thực hiện thu thập, lập danh mục minh chứng theo các tiêu chí của Bộ chỉ số.

II. NỘI DUNG

1. Đối tượng áp dụng

Việc đánh giá mức độ Chuyển đổi số được áp dụng đối với các trường tiểu học, THCS và PTCS trên địa bàn Huyện.

2. Cấu trúc Bộ chỉ số

Cấu trúc của Bộ chỉ số gồm 02 nhóm tiêu chí thành phần như sau:

- Nhóm tiêu chí “Chuyên đổi số trong dạy, học”.
- Nhóm tiêu chí “Chuyên đổi số trong quản trị nhà trường”.

Chi tiết Bộ chỉ số tại Phụ lục kèm theo.

3. Mức độ chuyển đổi số

Mức độ chuyển đổi số tại nhà trường được đánh giá theo từng nhóm tiêu chí thành phần (như mục 2), thang điểm tối đa là 100, mỗi nhóm tiêu chí được đánh giá ở ba mức độ:

- Mức chưa đáp ứng (Mức độ 1): Tổng điểm của mỗi nhóm tiêu chí dưới 50. Ở mức này, nhà trường chưa đáp ứng các yêu cầu cơ bản về triển khai chuyển đổi số.

- Mức đáp ứng cơ bản (Mức độ 2): Tổng điểm của mỗi nhóm tiêu chí đạt từ 50 đến 75. Ở mức này, nhà trường đã đáp ứng yêu cầu cơ bản về triển khai chuyển đổi số.

- Mức đáp ứng tốt (Mức độ 3): Tổng điểm của mỗi nhóm tiêu chí đạt trên 75. Ở mức này, nhà trường đáp ứng tốt các yêu cầu cơ bản và một số yêu cầu nâng cao về triển khai chuyển đổi số.

4. Quy định việc tự đánh giá; nộp hồ sơ, báo cáo

a. Trình tự tự đánh giá, xếp loại

- Các phòng tổ chức họp toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của phòng nhằm tự đánh giá, tập hợp minh chứng, tự cho điểm theo hướng dẫn tại phụ lục, dưới sự chủ trì của trưởng phòng, ủy viên Ban chỉ đạo chuyển đổi số của trung tâm. Phó Giám đốc phụ trách lĩnh vực, Phó Ban chỉ đạo chuyển đổi số dự và chỉ đạo các nội dung liên quan.

- Tập hợp kết quả tự đánh giá, cho điểm, minh chứng gửi về đồng chí Vũ Thế Thụy, Phó ban thường trực Ban chỉ đạo chuyển đổi số Trung tâm để tập hợp số liệu, báo cáo tại cuộc họp Ban chỉ đạo số nhằm tự đánh giá kết quả tại trung tâm.

- Trung tâm họp Ban chỉ đạo chuyển đổi số nhằm tự kiểm tra, đánh giá mức độ chuyển đổi số tại đơn vị.

- Thực hiện việc tự đánh giá theo quy định (có Biên bản lưu).

- Lập hồ sơ, sắp xếp các minh chứng theo từng nhóm tiêu chí; lưu trữ, bảo quản tại đơn vị, phục vụ công tác kiểm tra, thẩm định của cấp trên khi được yêu cầu.

b. Việc nộp hồ sơ, báo cáo

- Hồ sơ được đóng thành quyển, sắp xếp theo thứ tự như sau:

+ Bìa (mẫu M1);

- + Tờ trình (mẫu M2);
- + Biên bản tự kiểm tra, đánh giá mức độ chuyển đổi số (mẫu M3);
- + Báo cáo công tác triển khai việc đánh giá mức độ chuyển đổi số (mẫu M4);
- + Quyết định phê duyệt kết quả tự đánh giá.

- Nộp hồ sơ về Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng qua Phòng GDTX&ĐH (Đồng chí Cao Chiến Thắng nhận).

III. NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên trong nhà trường về ý nghĩa, tầm quan trọng của chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo trong giai đoạn hiện nay.

- Tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện đầy đủ nội dung của Quyết định 4725/QĐ-BGDĐT đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường.

- Trung tâm tiến hành thu thập, tập hợp, lập danh mục minh chứng theo các tiêu chí của Bộ chỉ số.

- Triển khai các nhiệm vụ đảm bảo đúng tiến độ, nội dung của Kế hoạch theo phụ lục đính kèm.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

a) Ban giám đốc ban hành kế hoạch, thực hiện tự đánh giá, chấm điểm mức độ chuyển đổi số theo các tiêu chí của Bộ chỉ số. Giám đốc Trung tâm ban hành quyết định phê duyệt kết quả tự đánh giá.

b) Báo cáo công tác triển khai tự đánh giá, kết quả đánh giá mức độ chuyển đổi số về Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng (Bộ hồ sơ được quy định tại mục 4 phần II của Kế hoạch này) trước ngày 30/10/2023.

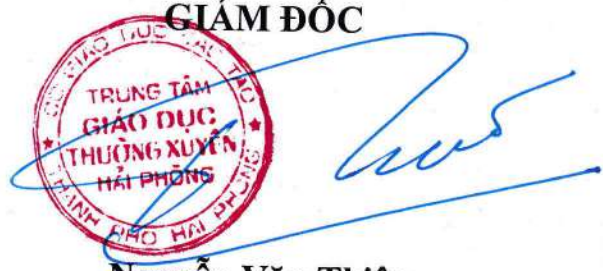
c) Cập nhật kết quả tự đánh giá lên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành tại <http://csdl.haiphong.edu.vn/>, Cổng thông tin điện tử của Trung tâm trước ngày 15/11/2023.

Trên đây là kế hoạch triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số trong trung tâm, năm học 2022-2023 của Trung tâm GDTX Hải Phòng. Đề nghị các bộ phận, cá nhân nghiêm túc thực hiện và báo cáo Ban giám đốc các vấn đề phát sinh (nếu có) để cùng phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận: Lean

- Sở GD&ĐT (báo cáo);
- BCD CDS (thực hiện);
- Website;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Thiện

HƯỚNG DẪN TRIỂN KHAI ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYÊN ĐỔI SỐ CỦA CÁC ĐƠN VỊ



GIÁO DỤC										
STTTHƯỜNG XUYỄN										
HAI PHÒNG										
Chuyển đổi số trường dạy, học										
1	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Tự chấm điểm	Mức độ	Hướng dẫn thực hiện	Ghi chú minh chứng	Chủ trì	Thực hiện	Mình chứng	
1.1	100				Tiêu chí 1.1 và 1.2: Các kế hoạch, quy chế được ban hành và công khai trên cổng thông tin trực tuyến của đơn vị từ đầu năm học (có thể sử dụng chữ ký số hợp lệ để ký xác thực các văn bản ban hành trên cổng thông tin). Tiêu chí 1.1 và 1.2 không tính điểm, nhưng là điều kiện bắt buộc trong đánh giá theo Bộ chỉ số.	Điều kiện bắt buộc	Đc Sáng - PGD; Phòng Giảng dạy văn hóa; Phòng CNTT.			
1.2.					Có hồ sơ về kế hoạch triển khai áp dụng phần mềm, hồ sơ về thiết kế và chức năng của hệ thống phần mềm được áp dụng, các loại hợp đồng kinh tế hoặc thỏa thuận hợp tác theo quy định của pháp luật. Công khai liên kết đến (đường link) các hệ thống và tên ứng dụng, thông tin liên hệ của người được phân công quản trị hệ thống, mức thu phí (nếu có) trên cổng thông tin của đơn vị.	Điều kiện bắt buộc	Đc Sáng - PGD; Phòng Giảng dạy văn hóa.			
1.3.	30	Tối đa 24 điểm, mỗi chức năng tối đa 06 điểm		Mức độ 1: dưới 10 điểm Mức độ 2: từ 10 - 20 điểm Mức độ 3: trên 20 điểm	Có hồ sơ về kế hoạch triển khai áp dụng phần mềm, hồ sơ về thiết kế và chức năng của hệ thống phần mềm được áp dụng, các loại hợp đồng kinh tế hoặc thỏa thuận hợp tác theo quy định của pháp luật. Công khai liên kết đến (đường link) các hệ thống và tên ứng dụng, thông tin liên hệ của người được phân công quản trị hệ thống, mức thu phí (nếu có) trên cổng thông tin của đơn vị.	Đường link	Đc Nga - PGD; Đc Sáng - PGD; Phòng Giảng dạy văn hóa; Phòng CNTT.			
1.4	10	Ít hơn 20 học liệu: tối đa 3 điểm Ít hơn 40 học liệu: tối đa 6 điểm Nhiều hơn 40 học liệu: tối đa 10 điểm		Mức độ 1: dưới 4 điểm Mức độ 2: từ 4 - 6 điểm Mức độ 3: trên 6 điểm	Học liệu số được lưu trữ dự phòng trong thiết bị nhớ của đơn vị và đăng tải trên cổng thông tin của đơn vị (có thể qua các LMS). Tạo lập và thường xuyên cập nhật danh mục học liệu số kèm theo đường liên kết truy cập đến học liệu theo kế hoạch giáo dục của đơn vị. Đường liên kết đến học liệu số phải đảm bảo tồn tại ít nhất đến thời điểm cơ quan quản lý giáo dục các cấp công bố kết quả đánh giá mức độ chuyển đổi số của đơn vị hàng năm	Đường link và số lượng học liệu	Đc Nga - PGD; Đc Sáng - PGD; Phòng CNTT; Phòng Giảng dạy văn hóa.			
1.5	20	Tối đa 15 điểm Tối đa 5 điểm		Mức độ 1: dưới 8 điểm Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm Mức độ 3: trên 14 điểm	Đơn vị xây dựng quy chế/kế hoạch/văn bản triển khai kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên máy tính. Các văn bản thể hiện rõ tên giải pháp phần mềm, hình thức kiểm tra đánh giá, Lưu các đề kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở thiết bị nhớ ngoài dự phòng của đơn vị.	Quy chế/Kế hoạch/Văn bản triển khai	Phòng CNTT Phòng Giảng dạy văn hóa, Phòng CNTT Phòng CNTT			

1.6	Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số: - Tỉ lệ giáo viên có tài khoản sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu		< 30% tối đa 2 điểm 30%-60% tối đa 4 điểm >60% tối đa 7 điểm			Có minh chứng thể hiện trong báo cáo ghi danh sách giáo viên tham gia và có sản phẩm. Ghi rõ hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến được sử dụng; tên phần mềm và công cụ các giáo viên có thể sử dụng được; danh sách bài giảng/học liệu số giáo viên đã xây dựng trong năm học (được công khai trên cổng thông tin của đơn vị)	Đc Nga - PGD; Đc Sáng - PGD; Phòng Giảng dạy văn hóa; Phòng CNTT.		
	- Tỉ lệ giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học	20	< 30% tối đa 2 điểm 30%-60% tối đa 4 điểm >60% tối đa 7 điểm	Mức độ 1: dưới 8 điểm Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm Mức độ 3: trên 14 điểm			Đc Nga - PGD; Đc Sáng - PGD; Phòng Giảng dạy văn hóa, Phòng CNTT.		
	- Tỉ lệ giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử		< 20% tối đa 2 điểm 20%-60% tối đa 5 điểm >60% tối đa 8 điểm			Có minh chứng thể hiện trong báo cáo ghi danh mục thiết bị, hạ tầng sử dụng chuyển đổi số dạy và học. Đối với cấp THPT, mức độ 3 đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học phải đảm bảo mỗi học sinh học trên 1 máy tính có thể vận hành tốt các phần mềm phục vụ dạy và học ở thời điểm đánh giá. Phòng studio gồm máy tính có cấu hình đủ mạnh để chạy các phần mềm biên tập phim, hình ảnh và âm thanh; nền trang bị máy quay phim, micro thu âm và loa kiểm tra âm thanh chuyên dụng, nên có giải pháp cách âm/chống phản xạ âm.	Đc Nga - PGD; Đc Sáng - PGD; Phòng CNTT; Phòng Giảng dạy văn hóa.		
	Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyển đổi số dạy, học: - Tỉ lệ phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy-học và kết nối Internet trên tổng số phòng học	20	Mức độ 1: tối đa 2 điểm; Mức độ 2: tối đa 5 điểm; Mức độ 3: tối đa 7 điểm	Mức độ 1: dưới 8 điểm Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm Mức độ 3: trên 14 điểm			Phòng TC-HC-TV		
1.7	- Mức độ đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học						Phòng CNTT Phòng Giảng dạy văn hóa,		
2	- Có phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phục trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử)		Tối đa 5 điểm						
	2 Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục	100							
2.1.	Cơ sở giáo dục thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số (thông tin: Họ tên, chức vụ, email, điện thoại)					Có minh chứng thể hiện bằng quyết định của thủ trưởng đơn vị. Quyết định và danh sách thành viên các bộ phận được ban hành từ đầu năm học và công bố trên cổng thông tin của đơn vị. Trong năm học nếu có thay đổi thành viên/phần công nhiệm vụ phải ban hành quyết định kiến toàn/bổ sung.	Điều kiện bắt buộc Đc Thụy - PGD		
2.2.	Có ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số					Kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số được xây dựng, công bố trên cổng thông tin điện tử của đơn vị từ đầu năm học. Kế hoạch cần thể hiện mục tiêu cải thiện các chỉ số trong Bộ chỉ số, đảm bảo tính thiết thực, phù hợp với nhu cầu và khả năng của đơn vị.	Điều kiện bắt buộc Đc Thụy - PGD		

2.3.	Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường (cung cấp thông tin: tên giải pháp, tư xây dựng/mua/thuê):	70	Tối đa 6 điểm		Các hệ thống/phần mềm triển khai được ghi trong Kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số (Tiêu chí 2.2). Có thể sử dụng giải pháp của các nhà cung cấp khác nhau cho các nội dung quản lý, nhưng đảm bảo các hệ thống có thể kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL của ngành.	Đc Nga - PGD; Đc Sáng - PGD Phòng CNTT		
	- Có ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường		Tối đa 6 điểm					
	- Có triển khai phần hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập)		File PDF: tối đa 3 điểm; Có áp dụng chứng thư: tối đa 10 điểm				Đc Sáng - PGD Phòng GDVH	
	- Có triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử		Tối đa 6 điểm	Mức độ 1: dưới 20 điểm Mức độ 2: từ 20 - 50 điểm Mức độ 3: trên 50 điểm			Đc Sáng - PGD Phòng GDVH	
	- Có triển khai phần hệ quản lý đối ngũ CBVCNV		Tối đa 10 điểm				Đc Sáng - PGD Phòng GDVH	
	- Có triển khai phần hệ quản lý cơ sở vật chất		Tối đa 10 điểm				Đc Sáng - PGD Phòng GDVH	
	- Có triển khai phần hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh		Tối đa 10 điểm				Đc Sáng - PGD Phòng GDVH	
2.4	- Có triển khai phần hệ quản lý kế toán	30	Tối đa 6 điểm		Công khai các quy chế/văn bản hướng dẫn, các khoản thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt và các khoản thu phí khác (nếu có), tên phần mềm và nhà cung cấp (hoặc đường link) được triển khai, trên cổng thông tin của đơn vị.	Đc Thiện - GD Đc Soi - TP TC, HC, TV Đc Dương - Kế toán		
	Phần mềm kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành (do Bộ quản lý)		Tối đa 6 điểm					
	Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến:		Tối đa 8 điểm	Mức độ 1: dưới 10 điểm Mức độ 2: từ 10 - 18 điểm Mức độ 3: trên 18 điểm			Đường link/Quy chế/Văn bản	
	- Có triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường (thông tin: Qua OTT (Over The Top) hoặc qua ứng dụng web)		Tối đa 12 điểm					
	- Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến:		Tối đa 10 điểm					
	- Có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt							